

Bản án số: 27/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 23/04/2026

"V/v Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - QUẢNG NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bảy

Ông Trần Văn Nam.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Tùng - là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - QUẢNG NINH.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - QUẢNG NINH tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Tuấn Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - QUẢNG NINH xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 172/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2025 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2026, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 06/TB-TA ngày 18 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2026/QĐST – HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Lê Thị L; nơi thường trú: khu Y phường H, tỉnh Q; chỗ ở hiện nay: o, thành phố K, tỉnh C, N, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: anh Trần Thái H, sinh năm 1989. Nơi thường trú: khu Y, phường H, tỉnh Q, vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện nộp ngày 14/11 /2025, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày:

Chị và anh Trần Thái H đăng ký kết hôn ngày 10/11/2020 tại UBND xã HTD, thị xã DT, tỉnh QUẢNG NINH (nay là phường Hoàng Quế, tỉnh QUẢNG NINH). Sau khi kết hôn vợ chồng chị sinh sống tại thôn Y, xã HTD, thị xã DT (nay là khu Y, phường H tỉnh QUẢNG NINH và chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên

vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi vã. Chị và anh Trần Thái H đã ly thân từ đầu năm 2025 đến nay. Những mâu thuẫn trên đã thật sự sâu sắc, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Thấy rằng mâu thuẫn của vợ chồng đã lâu, tình cảm vợ chồng hiện nay không còn. Do đó, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Thái H.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: chị và anh Trần Thái H không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung.

Về án phí: chị xin tự nguyện chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/12/2025, Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú của các đương sự, kết quả được biết: Anh Trần Thái H và chị Lê Thị L đăng ký kết hôn ngày 10/11/2020 tại UBND xã HTD, thị xã DT, tỉnh QUẢNG NINH. Sau khi kết hôn vợ chồng anh H, chị L sinh sống tại thôn Y, xã HTD, thị xã DT, tỉnh QUẢNG NINH (nay là khu Y, phường H, tỉnh QUẢNG NINH) và chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, chị Lê Thị L bỏ đi về quê ở Đắc Lắc. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh Trần Thái H và chị Lê Thị L do đâu địa phương không nắm được. Đến đầu năm 2025 thì chị Lê Thị L bỏ đi Nhật Bản lao động. Hiện nay anh Trần Thái H và chị Lê Thị L không còn chung sống cùng nhau. Nay chị Lê Thị L khởi kiện xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh Trần Thái H và chị Lê Thị L không có con chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ toàn bộ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự. Nhưng nguyên đơn chị Lê Thị L có đơn trình bày: hiện nay chị đang sinh sống, làm việc tại Nhật Bản, việc đi lại đến Tòa án nhân dân khu vực 5 – QUẢNG NINH để giải quyết ly hôn là hết sức tốn kém, vượt quá khả năng của chị. Vì vậy, chị từ chối hòa giải với anh Trần Thái H, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn là anh Trần Thái H từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, không trình bày quan điểm, ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – QUẢNG NINH tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến. Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử đã thực hiện đúng quy định tại Điều 196, 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 và 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L về việc ly hôn với anh Trần Thái H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Thấy rằng, nguyên đơn chị Lê Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Thái H. Bị đơn anh Trần Thái H đăng ký thường trú tại khu Yên Dưỡng, phường Hoàng Quế, tỉnh QUẢNG NINH. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội); điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH 15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 5 - QUẢNG NINH.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ toàn bộ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự. Nhưng nguyên đơn vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ (đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt), đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn không có yêu cầu phản tố, không có văn bản trình bày quan điểm ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 207, điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị L và anh Trần Thái H kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 10/11/2020 tại UBND xã HTD, thị xã DT, tỉnh QUẢNG NINH (nay là phường H, tỉnh QUẢNG NINH). Hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Chị Lê Thị L có quyền làm đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Trần Thái H theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, biên bản xác minh tình trạng hôn nhân tại nơi cư trú của bị đơn và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị Lê Thị L và anh Trần Thái H phát sinh do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Vợ, chồng sống mỗi người một nơi và đã ly thân từ đầu năm 2025 đến nay. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị Loan và anh Hoàng là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Lê Thị L đối với anh Trần Thái H là phù hợp với thực trạng quan hệ hôn nhân của anh, chị; phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình và điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[3] Về con chung: chị Lê Thị L và anh Trần Thái H không có con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: chị Lê Thị L và anh Trần Thái H không có tài sản chung, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: chị Lê Thị L và anh Trần Thái H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[6] Về án phí: theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn chị Lê Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội); điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228, Điều 266; Điều 273, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56, Điều 123 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn chị Lê Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị L được ly hôn anh Trần Thái H.
2. Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0002458 ngày 11 tháng 12 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh QUẢNG NINH. Chị Lê Thị L đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo: Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án là 01 tháng, kể từ ngày bản án, quyết định được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án, quyết định được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 5 – QUẢNG NINH;
- TAND tỉnh QUẢNG NINH;
- VKSND tỉnh QUẢNG NINH;
- THADS tỉnh QUẢNG NINH;
- UBND phường H, tỉnh QUẢNG NINH.
- Lưu VP; hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Trung Hiếu